

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2024/ST-HNGĐ

Ngày: 10/7/2024

V/v: *tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phương Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thúy** và bà **Trần Thị Thu**

Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Khánh Duy**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Bách Thiện Linh**- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “*về nuôi con, chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1.1. **Nguyên đơn:** Ông **Lê NV**; Sinh năm: 1959; Quốc tịch: Ba Lan, chứng minh nhân dân số 591120*****, do Thị trưởng thành phố VACSAVA cấp ngày 14.6.2018; Hộ chiếu số EN 93***** do Cộng hòa Ba Lan cấp ngày 25.6.2018; Hộ khẩu thường trú: Phố X, Cộng hòa Ba Lan; Nơi ở tại Việt Nam: X, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền giải quyết về con chung và tài sản: Bà **Nguyễn TH**, sinh năm 2000, căn cước công dân số 024300***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25.4.2021; nơi thường trú: X,

huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Địa chỉ: Công ty luật trách nhiệm hữu hạn BT;
Địa chỉ: X, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Điện thoại:
09660*****. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần VH, bà Hoàng VH-
Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn BT; Địa chỉ: X, phường Yên Hòa, quận
Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

1.2. Bị đơn: Bà Ninh Thị TH; Sinh năm: 1983; Căn cước công dân số:
037185***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Nơi
thường trú: X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; số điện thoại:
09487*****. Vắng mặt tại phiên tòa.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Bà **Lê TQ**, sinh năm 1966; Căn cước công dân số 033166*****
do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13.8.2021; Nơi
thường trú: X, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Số điện thoại: 03776*****.
Có mặt tại phiên tòa.

1.3.2. Ông **Nguyễn PH**, sinh năm 1962, căn cước công dân số
033166***** do Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân
cư cấp ngày 20/6/2018; Đăng ký hộ khẩu thường trú: X, Khoái Châu, Hưng Yên;
Số điện thoại: 03776*****. Xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, ông Lê NV có đơn khởi kiện vụ án không công
nhận quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề
sau:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê NV và bà Ninh Thị TH;
- Về con chung: yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê ĐH là con chung của
ông Lê NV và bà Ninh Thị TH. Ông Lê NV không yêu cầu cấp dưỡng cho con từ
bà Ninh Thị TH;
- Về tài sản chung: Ông Lê NV yêu cầu xác định giá trị của ½ căn hộ chung
cư tại X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là tài sản riêng, nhờ bà

Ninh Thị TH đứng tên. ½ còn lại do bà Lê TQ quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ninh Thị TH đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, Quyết định định giá tài sản; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... Tuy nhiên, bà Ninh Thị TH không đến Tòa án. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/5/2024, bà Ninh Thị TH có mặt, trình bày như sau:

Tôi và ông Lê NV chung sống không có đăng ký kết hôn, hiện đã không còn chung sống. Chúng tôi có 01 con chung là Lê ĐH, sinh ngày 18/11/2018 hiện nay do ông V đang nuôi dưỡng. Nhà này do tôi và bà Quyết đứng tên. Việc mua bán chung thế nào tôi không trình bày. Tôi không đồng ý nhận các văn bản của Tòa án, không đồng ý đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tham gia tố tụng vì tôi không biết gì việc khởi kiện của ông V và không đồng ý. Đề nghị Tòa án không làm phiên, không giao văn bản cho tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Lê TQ trình bày: bà và ông Lê NV cùng góp tiền, mỗi người ½ để mua X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Bà đã đưa tiền để ông Lê NV chuyển khoản cho bên bán. Việc thỏa thuận mua chung không lập thành văn bản nhưng hai bên sẽ thống nhất là cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Tuy nhiên, do ông Lê NV mang quốc tịch Ba Lan nên việc làm thủ tục đứng tên khó khăn. Ông Lê NV đã nhờ bà Ninh Thị TH đứng tên hộ và cho bà H ở nhờ, khi nào ông V ở Việt Nam thì về ở cùng bà H. Tuy nhiên sau đó, bà H và ông V mâu thuẫn gì đó nên bà H không cho ông V vào. Nay bà H và ông V tranh chấp về tài sản, tôi có nguyện vọng được giao sở hữu sử dụng X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và thanh toán bằng tiền cho ông V ½ giá trị căn hộ nêu trên.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

- Hợp đồng mua bán căn hộ số X ngày 03/12/2019
- Đơn đề nghị ngày 02/11/2024 của bà Nguyễn TH
- Đơn đề nghị ngày 18/12/2023 của ông Nguyễn PH; kèm theo CCCD

- Bản sao văn bản cam kết tài sản riêng
- Bản tự khai ngày 18/12/2023 của bà Lê TQ
- Hợp đồng ủy quyền
- Bản tự khai ngày 27/11/2023 của ông Lê NV
- Thủ tục luật sư
- Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa
- Kết quả giải trình tự DNA
- Đơn khởi kiện ngày 17/11/2023 của ông Lê NV
- Đơn đề nghị ngày 17/11/2023 của ông Lê NV
- Giấy nộp tiền
- Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất Lê TQ
- Trích lục khai sinh Lê ĐH
- Chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy tờ hợp pháp hóa, giấy chứng nhận đăng ký thường trú của ông Lê NV

Tại phiên tòa hôm nay;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê NV trình bày: Về con, ông Lê NV đề nghị được giao nuôi con, không yêu cầu bà Ninh Thị TH cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, xác định ông Lê NV và bà Ninh Thị TH không có tài sản chung. ½ giá trị X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của ông Lê NV. Tuy nhiên, do bà Ninh Thị TH được nhờ đứng tên hộ, được coi là có công sức nên tự nguyện thanh toán bằng tiền cho bà Ninh Thị TH 30% giá trị ½ X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là phần tài sản riêng của ông Lê NV.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Lê NV, sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê NV.

Bà Lê TQ trình bày: Về X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, bà đề nghị được nhận bằng hiện vật và thanh toán bằng giá trị cho ông Lê NV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Xác định ông Lê NV và bà Ninh Thị

TH không có quan hệ hôn nhân; Về con: hai bên có 01 con chung là Lê ĐH, sinh ngày 18/11/2018, hiện do ông Lê NV trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cho ông Lê NV trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Ninh Thị TH; tài sản chung: hai bên không có tài sản chung; ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê NV thanh toán cho bà Ninh Thị TH 30% của $\frac{1}{2}$ giá trị căn hộ; Về án phí: Ông Lê NV phải chịu án phí yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân, bà Ninh Thị TH và ông Lê NV phải chịu án phí chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê NV, bà Ninh Thị TH chung sống với nhau năm 2019 không có đăng ký kết hôn, nay có tranh chấp về nuôi con, chia tài sản nên thuộc trường hợp Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn quy định tại khoản 7, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Ninh Thị TH đã được Tòa án thông báo đến tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, ông Lê NV xin vắng mặt, bà Ninh Thị TH vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê NV và bà Ninh Thị TH chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn, vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ giữa ông Lê NV và bà Ninh Thị TH không được công nhận là quan hệ hôn nhân theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Căn cứ vào trích lục khai sinh ngày 01/7/2019, kết quả giải trình tự DNA ngày 03/7/2019 và lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định: Ông Lê NV và bà Ninh Thị TH có 01 con chung là Lê ĐH, sinh ngày 18/11/2018, hiện do ông Lê NV trực tiếp nuôi dưỡng.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đảm bảo ổn định cuộc sống, cần giao con chung cho ông Lê NV trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê NV không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Ninh Thị TH.

[4] Về tài sản:

Ông Lê NV yêu cầu xác định giá trị của ½ căn hộ chung cư tại X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là tài sản riêng, nhờ bà Ninh Thị TH đứng tên. ½ còn lại do bà Lê TQ quyết định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định như sau: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 493***, X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp cho bà Lê TQ, cùng sở hữu với bà Ninh Thị TH.

Ông Lê NV, bà Lê TQ cho rằng đây là tài sản chung của bà Lê TQ và ông Lê NV. Do ông Lê NV mang quốc tịch Ba Lan nên nhờ bà Ninh Thị TH đứng tên hộ. Ông Lê NV chứng minh nguồn tiền mua căn hộ là do ông và bà Lê TQ cùng đóng góp và thanh toán cho chủ đầu tư thông qua 3 lần chuyển tiền qua Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam vào các ngày:

Ngày 02/12/2019, chuyển 50.000.000 đồng;

Ngày 02/12/2019, chuyển 470.000.000 đồng;

Ngày 04/12/2019, chuyển 1.819.238.219 đồng;

Tổng số tiền đã chuyển cho chủ đầu tư là Công ty TNHH đầu tư và phát triển đô thị Gia Lâm là 2.339.238.2019 đồng, phù hợp với giá các bên thỏa thuận trong phụ lục số 04, hợp đồng mua bán căn hộ số X/VHOCP/HĐMBCH.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có Thông báo quyền và nghĩa vụ tố tụng giao cho bà Ninh Thị TH, trong đó có nội dung: Ông Lê NV có ½ giá trị căn hộ chung cư tại X dự án khu đô thị Gia Lâm- Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, hiện đang nhờ bà Ninh Thị TH đứng tên hộ. Ông yêu cầu bà Ninh Thị TH phải trả lại giá trị nhà trên. Quan điểm của bà về vấn đề này như thế nào? Bà có đóng góp gì trong việc tạo lập nên khối tài sản này không? Nếu bà đứng tên hộ, bà đã phải bỏ ra các chi phí nào để thực hiện việc đứng tên hộ không? Bà có công sức gì trong việc mua bán, quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị nhà không? Bà có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu, nguyện vọng của mình? Tuy nhiên, bà Ninh Thị TH không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án, và không trình bày công sức hoặc đóng góp của mình.

Do đó, có cơ sở xác định, ½ giá trị căn hộ chung cư tại X dự án khu đô thị Gia Lâm- Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của ông Lê NV, mua chung với bà Lê TQ. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê NV tự nguyện thanh toán bằng tiền cho bà Ninh Thị TH 30% giá trị ½ căn

hộ chung cư tại X dự án khu đô thị Gia Lâm- Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Sự tự nguyện của ông Lê NV là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Cụ thể như sau: Căn hộ diện tích 62,5m². Theo kết quả định giá ngày 07/5/2024, giá 46.333.000 đồng/1m². Tổng giá trị căn hộ: 62,5m² x 46.333.000 đồng/1m² = 2.895.812.500 đồng.

Chia tài sản chung của ông Lê NV, bà Lê TQ, mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị = 2.895.812.500 đồng : 2 = 1.447.906.250 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê NV thanh toán bằng tiền cho bà Ninh Thị TH 30% giá trị tài sản của mình (công sức đứng tên) trong khối tài sản chung với bà Lê TQ là: 1.447.906.250 đồng x 30% = 434.371.875 đồng.

Chia bằng hiện vật: Chia bằng hiện vật cho bà Lê TQ sở hữu toàn bộ căn hộ chung cư tại X dự án khu đô thị Gia Lâm- Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Bà Lê TQ có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Lê NV số tiền 1.447.906.250 đồng và có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động sang tên quyền sở hữu, sử dụng theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lê NV phải chịu phải chịu toàn bộ án phí tranh chấp giao nuôi con, không công nhận quan hệ hôn nhân không có giá ngạch, án phí chia tài sản chung đối với phần được hưởng. Tuy nhiên do ông Lê NV là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông Lê NV. Bà Ninh Thị TH phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia: 434.371.875 đồng có án phí là: 21.374.875 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 28, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 9, 14, 15, 16, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lê NV và bà Ninh Thị TH.

2- Về nuôi con chung: Ông Lê NV bà Ninh Thị TH có 01 con chung là Lê DH, sinh ngày 18/11/2018.

Giao con chung Lê DH cho ông Lê NV trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Ninh Thị TH cho đến khi ông Lê NV có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Bà Ninh Thị TH thực hiện quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản:

3.1. Xác định X, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 493***, cấp cho bà Lê TQ, cùng sở hữu với bà Ninh Thị TH là tài sản chung của ông Lê NV và bà Lê TQ, có giá trị là: 2.895.812.500 đồng (hai tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

3.2. Chia bằng giá trị, ông Lê NV, bà Lê TQ mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị căn hộ là: 1.447.906.250 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm linh sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

3.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê NV thanh toán công sức bằng tiền cho bà Ninh Thị TH 30% giá trị tài sản riêng, trị giá 434.371.875 đồng (bốn trăm ba mươi tư triệu ba trăm bảy mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3.4. Chia bằng hiện vật: Chia cho bà Lê TQ sở hữu toàn bộ căn hộ chung cư tại X dự án khu đô thị Gia Lâm- Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bà Lê TQ có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Lê NV số tiền 1.447.906.250 đồng và có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động sang tên quyền sở hữu, sử dụng theo quy định của pháp luật.

4- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền (nếu có), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5- Về án phí: Miễn án phí cho ông Lê NV.

Bà Ninh Thị TH phải chịu 21.374.875 đồng án phí sơ thẩm có giá ngạch.

6- Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phương Thảo